TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DS-ST
Ngày: 07-8-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Trịnh Sâm Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 760/2024/QĐST- DS ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1961.

Địa chỉ thường trú: Số A, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ, bà Kim A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 và các lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Ông với bà Kim A quen biết nhau thông qua anh H là nhân viên Ngân hàng S - Chi nhánh T giới thiệu, ngày 29/5/2023 ông có cho bà Kim A vay số tiền 470.000.000 đồng, đến ngày 24/10/2023 bà Kim A có viết giấy vay tiền và ký xác nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 0,12%/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay không cầm cố hay thế chấp tài sản.

Do bà Kim A không trả cho ông số tiền gốc, lãi theo thỏa thuận nên đến ngày 25/3/2024 bà Kim A đã ký lại giấy vay tiền và chốt số tiền nợ cho ông là

639.200.000 đồng (trong đó có 470.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi 0,12%/ngày tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 24/3/2024 là 169.200.000 đồng).

Tại giấy vay nợ ngày 25/3/2024 ông và bà Kim A tiếp tục thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 25/3/2024 đến ngày 24/4/2024 với mức lãi suất 0,12%/ngày đối với số tiền 639.200.000 đồng nhưng từ ngày 25/3/2024 tới nay bà Kim A không trả cho ông số tiền gốc và lãi nào mặc dù ông có liên hệ nhiều lần.

Ngày 31/7/2024, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, ông yêu cầu bà Kim A trả tiền lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 07/8/2024 đối với số tiền gốc 470.000.000đ, cụ thể như sau:

+ Lãi suất: 470.000.000đ x 20% x 01 năm 02 tháng 09 ngày = 111.944.600 đồng (làm tròn là 111.945.000 đồng)

Nay ông Đ yêu cầu tòa án buộc bà Kim A phải trả cho ông tổng số tiền 581.945.000 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi là 111.945.000 đồng).

Ông Đ xác định bà Kim A là người trực tiếp giao dịch vay mượn tiền của ông, ông không biết chồng bà Kim A là ai nên ông không yêu cầu chồng bà Kim A phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông trong vụ án này.

Ông Đ, bà Nguyễn Thị Kim O (vợ ông Đ) đều xác định số tiền cho bà Kim A vay là tiền riêng của ông Đ, nên đề nghị Tòa không đưa bà O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Theo các lời khai tại hồ sơ của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà Kim A thống nhất với lời khai của ông Đ về thời gian vay, số tiền vay và các thỏa thuận về lãi suất cũng như về thời hạn trả như ông Đ đã khai trên.

Bà Kim A xác định vào ngày 29/5/2023 có vay của ông Đ số tiền 470.000.000 đồng, tại thời điểm vay không viết giấy vay tiền, đến ngày 24/10/2023 bà Kim A mới viết tay "giấy vay tiền" và ký xác nhận nợ đối với số tiền 470.000.000 đồng nêu trên đồng thời thỏa thuận lãi suất là 0,12%/ngày, khi vay không cầm cố hay thế chấp tài sản, phía ông Đ là người giao tiền cho bà.

Ngày 25.3.2024, bà Kim A ký giấy vay tiền nhằm chốt lại số nợ gốc và lãi với nội dung có vay của ông Đ số tiền 639.200.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng (tức đến ngày 24/4/2024), mức lãi suất 0,12%/ ngày tính trên số tiền 639.200.000 đồng nhưng theo bà thực chất trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng và tiền lãi là 169.200.000 đồng. Tuy nhiên, do bà gặp khó khăn nên từ khi vay đến nay bà chưa trả được cho ông Đ số tiền gốc và tiền lãi.

Lời khai tại hồ sơ bà Kim A khai quá trình vay do bà tin tưởng ông Nguyễn Văn H1 là cán bộ Ngân hàng S nên hàng tháng bà có chuyển khoản tiền lãi nhờ ông H1 đưa cho ông Đ nhưng nay bà xác định ông H1 không đưa lại tiền cho ông Đ nên bà sẽ tự gặp ông H1 để giải quyết, bà đề nghị Tòa không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Bà Kim A xác định số tiền bà vay của ông Đ là vay để làm ăn riêng, không liên quan đến chồng bà là ông Vưu Đăng H2, sinh năm 1973, địa chỉ tại xã B, huyện L nên bà Kim A sẽ tự chịu trách nhiệm trả số tiền vay nêu trên cho ông Đ, đề nghị Tòa không đưa ông H2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Nay ông Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xem xét giải quyết buộc bà Kim A phải trả cho ông số tiền 672.180.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc 470.000.000 đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày cho vay 29/5/2023 đến ngày 24/3/2024 là 300 ngày = 169.200.000 đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày 24/3/2024 đến ngày 06/5/2024 là 0.12% * 43 ngày = 32.980.000 đồng.

Ý kiến bà Kim A chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 470.000.000 đồng, bà không đồng ý trả tiền lãi như yêu cầu của ông Đ vì hiện tại bà gặp khó khăn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, buộc bà Kim A phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc và lãi là 581.945.000 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi là 111.945.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng bà Kim A vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Đ và bị đơn bà Kim A.

[2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim A có nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A thanh toán số tiền nợ vay nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách các đương sự tham gia tố tụng: Ông Đ xác định số tiền cho vay là tài sản riêng không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim O; bà

Kim A xác định số tiền vay của ông Đ bà sử dụng vào mục đích riêng không liên quan đến chồng bà là ông Vưu Đăng H2 nên Hội đồng xét xử không đưa bà O và ông H2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[5] Về tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Theo văn bản ủy quyền ngày 02/7/2024, bà Kim A ủy quyền cho ông Lý Khánh H3, sinh năm 1974 đại diện bà tham gia tố tụng trong vụ án này. Tuy nhiên, vào ngày 02/8/2024 ông H3 có Thông báo về việc "từ chối công việc được ủy quyền" của bà Kim A kể từ ngày ký thông báo là ngày 02/8/2024. Vì vậy, Tòa án không đưa ông H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Kim A trong vụ án này nữa.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Đ về việc yêu cầu bà Kim A trả số gốc là 470.000.000đ và tiền lãi 20%/năm tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 07/8/2024:

[6.1] Về khoản tiền gốc 470.000.000 đồng:

Nguyên đơn ông Đ yêu cầu bị đơn bà Kim A trả số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, lời khai tại hồ sơ bà Kim A thừa nhận có vay của ông Đ số tiền nêu trên và bà đồng ý trả, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Kim A phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

[6.2] Về khoản tiền lãi: Ông Đ yêu cầu bà Kim A trả lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 07/8/2024 đối với số tiền gốc 470.000.000 đồng:

Lời khai của bà Kim A và các chứng cứ do các bên đương sự cung cấp tại hồ sơ đều thể hiện vào ngày 29/5/2023 bà Kim A vay của ông Đ số tiền 470.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất 0,12%/ngày, thời hạn trả vào ngày 24/4/2024 nhưng đến nay bà Kim A chưa trả được cho ông Đ số tiền gốc và tiền lãi.

Bà Kim A không đồng ý trả tiền lãi suất cho ông Đ với lý do hiện hoàn cảnh của bà gặp nhiều khó khăn.

Xét hợp đồng vay tiền giữa ông Đ và bà Kim A có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Ngày 02/8/2024 ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, ông yêu cầu bà Kim A trả lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 07/8/2024 đối với số tiền gốc là 470.000.000 đồng. Xét thấy ông Đ yêu cầu bà Kim A phải trả tiền lãi đối với số tiền đã vay là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 07/8/2024 đối với số tiền 470.000.000 đồng, buộc bà Kim A phải trả cho ông Đ tiền lãi suất 111.945.000 đồng.

Tiền lãi được tính như sau: [(470.000.000đ x 20%) x 01 năm + (470.000.000đ x 1.66%) x 02 tháng + (470.000.000đ x 1.66%)/30 x 09 ngày] = 111.944.600 đồng (làm tròn là 111.945.000 đồng)

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà Kim A phải trả cho ông Đ số tiền gốc và lãi là 581.945.000 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán là 27.277.800 đồng, được làm tròn là 27.278.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xử buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hồng Đ số tiền nợ gốc và lãi là 581.945.000 đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 470.000.000 đồng, tiền lãi là 111.945.000 đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.278.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Hồng Đ được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ông Đ, bà Kim A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo